

Số: /QĐ-CAT-PC08

Nghệ An, ngày tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
TỔ CHỨC KỲ SÁT HẠCH LÁI XE

GIÁM ĐỐC CÔNG AN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Thông tư số 09/2025/TT-BCA ngày 25/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế; Theo đề nghị của đồng chí Trưởng phòng Cảnh sát giao thông.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép tổ chức kỳ sát hạch lái xe ô tô cho tổng số: 443 thí sinh hạng B (có danh sách thí sinh dự thi kèm theo).

Kỳ sát hạch được tiến hành ngày 04/6/2026 tại Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe PTS, địa chỉ: phường Vinh Hưng, tỉnh Nghệ An (có mã QR kèm theo).

Điều 2. Thành lập Hội đồng sát hạch gồm các thành viên có tên dưới đây:

1. Đồng chí Thượng tá Nguyễn Hàm Thắng, Chức vụ: Phó Trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Chủ tịch Hội đồng;

2. Đồng chí Thượng tá Phạm Văn Lực, Chức vụ: Đội trưởng Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Phó Chủ tịch Hội đồng;

3. Ông: Trần Trung Thành, Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Đào tạo và Sát hạch lái xe PTS, Ủy viên Hội đồng;

4. Đồng chí Đại úy Lê Cảnh Đức, Chức vụ: Cán bộ Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh, Thư ký.

5. Các sát hạch viên (có danh sách kèm theo).

Trách nhiệm của từng thành viên do Chủ tịch hội đồng phân công.

Điều 3. Hội đồng sát hạch có các nhiệm vụ, quyền hạn quy định tại Thông tư số 12/2025/TT-BCA ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về sát hạch, cấp giấy phép lái xe; cấp, sử dụng giấy phép lái xe quốc tế. Kết thúc kỳ sát hạch, lập biên bản tổng hợp kết quả sát hạch, Hội đồng sát hạch tự giải thể.

Điều 4. Hội đồng sát hạch và thí sinh có tên tại các Điều 1, 2 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Đ/c Giám đốc | (để báo cáo)
- Cục C08 BCA
- Như Điều 4 (để thực hiện);
- Lưu: VT, PC08(Lực).



**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đại tá Nguyễn Đức Cường

DANH SÁCH SÁT HẠCH VIÊN

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-CAT-PC08 ngày /6/2026 của Công an tỉnh)

TT	CẤP BẬC, HỌ TÊN	NHIỆM VỤ
1	Thượng tá Phạm Văn Lực	Sát hạch viên
2	Trung tá Bùi Thái Cường	Sát hạch viên
3	Trung tá Vũ Minh Phương	Sát hạch viên
4	Trung tá Nguyễn Quốc Phúc	Sát hạch viên
5	Trung tá Đặng Trọng Quang	Sát hạch viên
6	Trung tá Phạm Công Thành	Sát hạch viên
7	Trung tá Bùi Thanh Sơn	Sát hạch viên
8	Trung tá Lê Văn Hùng	Sát hạch viên
9	Thiếu tá Nguyễn Ngọc Tú	Sát hạch viên
10	Thiếu tá Hoàng Quốc Đạt	Sát hạch viên
11	Thiếu tá Nguyễn Việt Cường	Sát hạch viên
12	Thiếu tá Nguyễn Quốc Anh	Sát hạch viên
13	Đại úy Nguyễn Văn Phương	Sát hạch viên
14	Đại úy Nguyễn Tuấn Anh	Sát hạch viên
15	Thượng úy Trần Thiện Hoàng	Sát hạch viên

DANH SÁCH THÍ SINH DỰ SÁT HẠCH ĐỀ CẤP GIẤY PHÉP LÁI XE
(Kèm theo Quyết định số: 3069/QĐ-CAT-PC08 ngày 02 tháng 6 năm 2026 của Công an tỉnh Nghệ An)

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
1	LÊ XUÂN AN	08/09/1988	*****44	Xã Văn Kiêu, Tỉnh Nghệ An	X		4928
2	MẠNH TRỌNG AN	06/06/1965	*****88	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	X		4675
3	NGUYỄN ĐÌNH AN	25/04/2006	*****95	Xã Quỳnh Sơn, Tỉnh Nghệ An	X		4661
4	ĐẶNG LÊ KIM ANH	15/09/2007	*****56	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4342
5	DƯ TUẤN ANH	26/09/2001	*****99	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4318
6	DƯƠNG THỊ HUYỀN ANH	20/01/2005	*****22	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4676
7	LÊ THỊ LAN ANH	11/06/2002	*****48	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4677
8	LÊ THỊ MAI ANH	13/09/1998	*****84	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4678
9	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	15/05/2001	*****38	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	17357
10	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	18/05/1994	*****89	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4835
11	PHẠM THỊ MỸ ANH	15/11/2001	*****19	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4799
12	TRẦN HÀ ANH	23/04/2007	*****34	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		2776
13	PHẠM THỊ MINH ÁNH	20/08/2003	*****41	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4759
14	ĐÌNH THỊ BẮC	06/02/1991	*****81	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X		4760
15	SÀM THỊ BÂN	20/09/1981	*****16	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	X		4952

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
16	CAO GIA BẢO	28/08/2007	*****23	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1m	4717
17	NGUYỄN CÔNG BẢO	20/10/2002	*****90	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4836
18	THÁI GIA BẢO	18/09/2003	*****31	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4970
19	TRẦN QUÂN BẢO	28/09/2005	*****82	Xã Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4988
20	LÊ VĂN BẢY	30/08/1988	*****61	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4454
21	HỒ THỊ NGỌC BÍCH	20/11/1997	*****30	Xã Tam Hợp, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4761
22	NGÔ THỊ BẢO CHÂU	20/10/1989	*****66	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4947
23	UÔNG ĐÌNH CHIẾN	08/09/1995	*****02	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4983
24	TRẦN VĂN CHUẨN	02/08/1984	*****97	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	X		3891
25	CAO HUY CHUNG	20/10/1995	*****22	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4851
26	LỮ VĂN CƠ	10/06/1994	*****92	Xã Cam Phục, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4222
27	LÊ THÀNH CÔNG	18/07/2004	*****69	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		4551
28	NGUYỄN VĂN CÔNG	01/01/1999	*****84	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4075
29	PHAN CHÍ CÔNG	09/12/1991	*****94	Xã Tiên Điền, Tỉnh Hà Tĩnh	X		4837
30	PHAN VĂN CÔNG	03/02/1968	*****99	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	X		4651
31	PHẠM THỊ CƯỜNG	05/05/1977	*****89	Phường Thái Hòa, Tỉnh Nghệ An	X		4679
32	NGUYỄN HỮU CƯỜNG	02/01/1995	*****33	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4503

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
33	NGUYỄN THẾ CƯỜNG	22/12/1996	*****08	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4852
34	NGUYỄN VĂN CƯỜNG	05/09/1985	*****01	Xã Châu Bình, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4223
35	NGUYỄN VĂN ĐẮC	15/06/1985	*****07	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4853
36	HOÀNG NHẬT ĐÀO	16/12/1988	*****17	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4504
37	HOÀNG THÀNH ĐẠT	29/11/1987	*****87	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	X		3892
38	NGÔ VĂN ĐẠT	28/05/1994	*****23	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	X		4854
39	NGUYỄN CÔNG ĐẠT	01/07/2004	*****48	Xã Tiên Đồng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4855
40	NGUYỄN TẮT ĐẠT	12/11/2006	*****08	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	X		4536
41	TRẦN ĐÌNH THÀNH ĐẠT	14/05/2003	*****04	Xã Nghĩa Thọ, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4663
42	TRẦN VIỆT ĐẠT	16/08/1991	*****88	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		4974
43	NGUYỄN VĂN ĐỀ	15/02/1994	*****51	Xã Vạn Lộc, Tỉnh Thanh Hóa	X	A1	4553
44	LÊ THỊ ĐIỂM	09/09/1997	*****02	Xã Tân Gianh, Tỉnh Quảng Trị	X		4762
45	NGUYỄN NGỌC DIỆP	28/04/2007	*****80	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		3748
46	NGUYỄN CẢNH DINH	07/10/1991	*****13	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	1620
47	TRẦN HỮU DU	06/04/2007	*****38	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X		4965
48	LÔ MINH ĐỨC	06/09/1985	*****12	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	X		4838
49	NGUYỄN NGỌC ĐỨC	23/01/1999	*****82	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4642

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
50	TRẦN TRUNG ĐỨC	16/02/2003	*****56	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X		4839
51	HỒ THỊ DUNG	18/01/1991	*****94	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	X		4800
52	HOÀNG THỊ DUNG	25/01/1993	*****65	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X	A1m	4801
53	NGUYỄN NGỌC DUNG	24/10/2006	*****89	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	3992
54	VÕ THỊ DUNG	01/04/1987	*****89	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4718
55	LÊ ĐỨC DŨNG	06/03/2001	*****18	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		3756
56	LÊ QUANG DŨNG	10/06/2001	*****18	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	X		4856
57	NGUYỄN VIỆT DŨNG	17/09/2004	*****07	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4857
58	PHAN ANH DŨNG	12/12/2000	*****35	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4802
59	LŨ VĂN DƯƠNG	03/02/1986	*****61	Xã Mùong Xén, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4271
60	NGUYỄN CẢNH DƯƠNG	18/08/2003	*****19	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X		4960
61	DƯƠNG THỊ DUYÊN	25/04/1990	*****09	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	20811
62	LÊ THỊ ÁNH DUYÊN	05/10/2004	*****78	Xã Mùong Ham, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4719
63	NGUYỄN THỊ DUYÊN	13/10/1989	*****32	Xã Gia Hanh, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4458
64	PHẠM NHƯ DUYÊN	12/08/1999	*****46	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4720
65	VIÊNG THẾ DUYỆT	15/08/2007	*****42	Xã Tam Quang, Tỉnh Nghệ An	X		4555
66	HOÀNG VĂN TÀI EM	14/11/2004	*****52	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4803

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
67	BÙI THỊ NHÂN GIANG	26/04/1994	*****09	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4941
68	NGUYỄN KIÊN GIANG	08/08/1983	*****29	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X		4506
69	NGUYỄN THỊ MAI GIANG	24/07/1981	*****78	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	X		4484
70	TRỊNH VĂN GIAO	05/10/1990	*****44	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	X		4858
71	LÊ XUÂN HÀ	24/07/2006	*****85	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4859
72	NGUYỄN THỊ HÀ	14/08/1992	*****80	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	X		4763
73	NGUYỄN THỊ THU HÀ	29/06/1995	*****39	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4930
74	THÁI MẠNH HÀ	06/02/1985	*****21	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	X		4764
75	TRẦN THỊ HÀ	16/12/1993	*****50	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4680
76	CAO THỊ HẢI	25/09/1996	*****58	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4804
77	ĐẶNG TRỌNG HẢI	26/03/1999	*****46	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4860
78	ĐẶNG XUÂN HẢI	17/08/1994	*****65	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4805
79	ĐÀO THANH HẢI	08/03/2007	*****16	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4963
80	LÊ THỊ HẢI	04/05/1979	*****31	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4953
81	NGUYỄN ĐÔNG HẢI	02/11/2007	*****19	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A.01	4126
82	NGUYỄN KHẮC HẢI	12/08/1989	*****09	Xã Quảng Châu, Tỉnh Nghệ An	X		1981
83	NGUYỄN THỊ HẢI	16/09/1996	*****84	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4721

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
84	NGUYỄN VĂN HẢI	04/05/1990	*****49	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4806
85	TÔ NGỌC HẢI	10/11/1998	*****33	Xã Nam Hải Lăng, Tỉnh Quảng Trị	X		4964
86	TRẦN THỊ HẢI	02/12/1990	*****16	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4080
87	NGUYỄN NGỌC GIA HÂN	14/12/2003	*****87	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4945
88	CAO THỊ THU HẰNG	31/07/1984	*****91	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4722
89	LƯƠNG THỊ HẰNG	14/08/1999	*****19	Xã Thăng Lộc, Tỉnh Thanh Hóa	X	A1	4861
90	NGUYỄN THỊ HẰNG	26/08/1996	*****90	Xã Thuần Trung, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4765
91	NGUYỄN THỊ THU HẰNG	12/05/1989	*****96	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		4723
92	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	16/07/1985	*****85	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4724
93	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	06/11/1976	*****43	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4807
94	NGUYỄN THỊ THÚY HẰNG	08/12/1979	*****93	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		1260
95	NGUYỄN THÚY HẰNG	18/10/1991	*****59	Xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	3856
96	TRẦN THỊ HẰNG	03/08/1995	*****66	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4766
97	TRẦN THỊ HẰNG	03/07/2004	*****39	Xã Đô Lương, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4808
98	HÀ THỊ BÍCH HẠNH	10/06/1994	*****21	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4416
99	HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH	14/01/1996	*****19	Xã Hùng Châu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4767
100	NGUYỄN THỊ HẠNH	03/03/1983	*****82	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4353

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
101	PHAN VĂN HẠNH	14/02/1993	*****87	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4966
102	NGUYỄN ĐÌNH TRUNG HẬU	28/01/2008	*****05	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4768
103	NGUYỄN THỊ HẬU	20/08/1981	*****52	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	X		4948
104	THÁI BÁ HẬU	10/03/1989	*****79	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4936
105	ĐỖ THỊ THU HIỀN	26/10/1983	*****41	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4981
106	NGUYỄN GIA HIỀN	03/03/1992	*****21	Xã Yên Hòa, Tỉnh Hà Tĩnh	X		2251
107	NGUYỄN THỊ HIỀN	08/03/1997	*****28	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	X		4725
108	NGUYỄN THỊ HIỀN	27/09/1990	*****41	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4769
109	NGUYỄN THỊ HIỀN	15/10/1988	*****62	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4770
110	NGUYỄN THỊ THANH HIỀN	27/05/2006	*****99	Xã Tam Thái, Tỉnh Nghệ An	X	A1m	4417
111	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	08/08/2003	*****27	Xã Bạch Ngọc, Tỉnh Nghệ An	X		4418
112	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	10/02/1979	*****71	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X		4771
113	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	19/03/1985	*****59	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4197
114	VĂN THỊ HIỀN	08/10/1991	*****61	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4954
115	LÊ VĂN HIỆP	25/04/1981	*****16	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4334
116	ĐOÀN VĂN HIẾU	03/02/1992	*****76	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4508
117	HỒ QUANG HIẾU	01/01/1979	*****48	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4840

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
118	HOÀNG MINH HIẾU	26/01/2006	*****29	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4510
119	NGUYỄN ĐỨC HIẾU	28/11/1998	*****80	Phường Tĩnh Gia, Tỉnh Thanh Hóa	X	A1	4862
120	PHAN TRUNG HIẾU	03/10/1987	*****60	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4809
121	VÕ THỂ HIỆU	23/09/2000	*****32	Xã Nghĩa Mai, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4660
122	NGUYỄN THỊ HỒ	15/02/1994	*****98	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	3541
123	ĐINH THỊ THANH HOA	14/09/1989	*****56	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4772
124	HỒ THỊ HOA	20/02/1981	*****67	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X		4681
125	LÊ THỊ HOA	23/01/1984	*****62	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4682
126	LÊ THỊ HOA	15/04/1985	*****76	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4726
127	PHAN THỊ HOA	25/01/1995	*****31	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X		4773
128	TRẦN THỊ HOA	12/06/1986	*****20	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		3364
129	HOÀNG VĂN HÒA	03/02/1989	*****82	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	X		4630
130	HOÀNG VĂN HÒA	16/01/1998	*****71	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4863
131	NGUYỄN QUANG HÒA	08/01/1991	*****31	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X		4652
132	NGUYỄN THỊ HÒA	16/06/1991	*****30	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4727
133	NGUYỄN THỊ HÒA	20/02/1988	*****47	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4774
134	PHAN THỊ HÒA	16/07/2002	*****14	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4864

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
135	HỒ THỊ HOÀI	11/08/2002	*****14	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4728
136	NGUYỄN THỊ HOÀI	08/03/1987	*****47	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	X		3566
137	NGUYỄN THỊ HOÀI	10/03/2001	*****09	Xã Tân Kỳ, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4975
138	NGUYỄN THỊ THANH HOÀI	02/09/1999	*****77	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4357
139	BÙI DUY HOÀNG	15/11/1996	*****38	Xã Quỳnh Anh, Tỉnh Nghệ An	X		4556
140	LÊ HUY HOÀNG	01/06/2004	*****83	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4865
141	NGUYỄN THỊ HÒE	28/02/1992	*****52	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X		4866
142	LÊ THỊ ÁNH HỒNG	16/12/1980	*****90	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4164
143	LÊ THỊ HỒNG	30/11/1989	*****84	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4810
144	LÊ THỊ THU HỒNG	10/01/1987	*****28	Xã Đức Minh, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4775
145	LƯƠNG VĂN HỒNG	08/03/1985	*****07	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4867
146	NGUYỄN THỊ HỒNG	08/05/1982	*****98	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4729
147	NGUYỄN THỊ MAI HỒNG	03/06/1985	*****72	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4053
148	NGUYỄN ĐỨC HỢP	14/06/1992	*****20	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	3659
149	NGUYỄN QUANG HUẤN	01/01/1987	*****00	Phường Trà Vinh, Tỉnh Vĩnh Long	X		4868
150	HỒ HIỆU HUỆ	26/01/2003	*****68	Xã Hà Nha, Thành phố Đà Nẵng	X		4655
151	HỒ THỊ MINH HUỆ	29/07/1982	*****49	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	X		4465

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
152	NGUYỄN THỊ HUỆ	10/11/1996	*****89	Xã Anh Sơn, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4730
153	NGUYỄN THỊ HUỆ	12/05/1995	*****78	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4869
154	NGUYỄN ĐÌNH KHÁNH HÙNG	27/08/2003	*****32	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4776
155	NGUYỄN DUY HÙNG	26/03/1979	*****93	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4870
156	NGUYỄN TRỌNG HÙNG	14/08/1991	*****38	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4275
157	NGUYỄN VĂN HÙNG	10/11/1996	*****40	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4683
158	NGUYỄN VĂN HÙNG	02/09/1994	*****86	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4777
159	NGUYỄN VĂN HÙNG	25/11/1979	*****46	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	X		4340
160	TRẦN VĂN HÙNG	29/06/1991	*****65	Xã Giai Xuân, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4811
161	CAO THỊ HƯƠNG	23/01/1986	*****25	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4812
162	CAO THỊ HƯƠNG	18/06/1988	*****43	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4813
163	HỒ THỊ HƯƠNG	09/02/1992	*****84	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4358
164	HỒ THỊ HƯƠNG	01/10/1997	*****11	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X	A1m	4466
165	NGUYỄN THỊ DIỆU HƯƠNG	14/04/1996	*****45	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4814
166	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	10/09/1998	*****58	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X		4310
167	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	28/09/2002	*****11	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	X		3759
168	TRẦN THỊ LAN HƯƠNG	29/04/1999	*****21	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4778

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
169	DOÃN THỊ HƯỚNG	28/04/1990	*****73	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	X		4779
170	NGUYỄN THỊ HƯỜNG	21/07/1996	*****43	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4684
171	ĐINH VĂN HỮU	08/04/1994	*****78	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4971
172	ĐẶNG QUANG HUY	10/06/1991	*****97	Xã Vân Du, Tỉnh Nghệ An	X		4251
173	HỒ SỸ HUY	24/06/2007	*****68	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X		4557
174	HOÀNG QUANG HUY	19/06/2003	*****35	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4871
175	LÔ THÀNH HUY	01/09/2004	*****93	Phường Tây Hiếu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4731
176	NGUYỄN ĐÀO HẢI HUY	16/09/2004	*****13	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		977
177	PAY THANH HUY	15/08/1999	*****37	Xã Yên Na, Tỉnh Nghệ An	X		4537
178	PHAN CÔNG HUY	19/02/2001	*****14	Xã Thạch Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4872
179	BÙI THỊ HUYỀN	16/06/1996	*****96	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4732
180	ĐẶNG THỊ THU HUYỀN	17/05/1990	*****44	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X		4685
181	ĐẬU THỊ THANH HUYỀN	09/08/1989	*****10	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4686
182	DƯƠNG THỊ HUYỀN	18/04/2003	*****86	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4815
183	LÊ THỊ THU HUYỀN	28/08/1987	*****37	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4780
184	NGÔ THỊ HUYỀN	06/12/1997	*****44	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4816
185	NGUYỄN HẢI HUYỀN	01/01/2001	*****72	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	X		4733

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
186	NGUYỄN THỊ HUYỀN	12/05/1980	*****92	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	X		4955
187	PHẠM KHÁNH HUYỀN	18/10/2006	*****04	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1m	4687
188	PHẠM THỊ HUYỀN	05/05/1985	*****87	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	X		4688
189	PHẠM THỊ THANH HUYỀN	16/07/1995	*****41	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4734
190	PHAN THỊ HUYỀN	18/05/1990	*****17	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4689
191	TRẦN THỊ HUYỀN	13/07/1988	*****35	Xã Mường Xén, Tỉnh Nghệ An	X		4690
192	TRẦN VÕ THỊ HUYỀN	26/04/1982	*****00	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	X		24387
193	HỒ XUÂN HUỠNH	06/02/2000	*****22	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		4735
194	NGUYỄN HỮU KHANG	14/06/2003	*****94	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	X		4841
195	TRƯƠNG BẢO KHANH	24/02/1998	*****95	Xã Cẩm Trung, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	1909
196	NGÔ GIA KHÁNH	12/03/2005	*****54	Phường Hoàng Mai, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4842
197	VŨ THỊ KHÁNH	28/06/1983	*****16	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	X		4511
198	NGUYỄN ĐÌNH KHOA	25/05/1996	*****41	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4277
199	NGUYỄN VĂN KIÊN	09/11/1966	*****92	Xã Văn Kiêu, Tỉnh Nghệ An	X		78
200	PHẠM TRUNG KIÊN	10/01/1997	*****75	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		2969
201	PHAN HỮU KIÊN	10/10/2001	*****91	Xã Hương Đô, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4654
202	LÊ THỊ KIỀU	24/09/1985	*****66	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	X		4253

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
203	ĐOÀN VĂN KỶ	01/02/1969	*****16	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X		4817
204	NGUYỄN VĂN LAN	05/08/2001	*****50	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		4230
205	LÊ THỊ BÍCH LÂN	13/09/1989	*****27	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4818
206	VƯƠNG THỊ LÀNH	01/06/1992	*****94	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4819
207	PHÙNG THỊ LỆ	20/11/1991	*****30	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	X		4736
208	LÊ THỊ LỊCH	22/06/1978	*****72	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4512
209	ĐẶNG HOÀNG LINH	05/11/2007	*****63	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X		4428
210	ĐINH HỮU LINH	20/09/1995	*****78	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	X		4737
211	DƯ TUẤN LINH	08/06/2007	*****37	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X	A01	4513
212	NGUYỄN DUY LINH	24/03/1994	*****67	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4873
213	NGUYỄN THÙY LINH	26/12/1984	*****58	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4738
214	NGUYỄN XUÂN LỊNH	10/02/1992	*****17	Phường Ba Đồn, Quảng Trị	X		19903
215	HOÀNG THỊ LOAN	10/01/1995	*****97	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4874
216	NGUYỄN TRỌNG LỘC	23/05/1972	*****42	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	X		2670
217	NGUYỄN VĂN LỘC	08/12/1997	*****46	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4820
218	CAO NGỌC LONG	27/11/1995	*****41	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4977
219	ĐÀM HOÀNG LONG	02/03/1987	*****48	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X	A1	20373

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
220	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG LONG	08/10/2005	*****60	Xã Nghi Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4659
221	NGUYỄN NHẬT LONG	11/12/2006	*****33	Xã Sơn Kim 1, Tỉnh Hà Tĩnh	X		4875
222	NGUYỄN THÀNH LONG	29/01/1984	*****72	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4515
223	PHẠM THỊ LONG	16/12/1992	*****61	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4561
224	THÁI VĂN LONG	22/12/1977	*****21	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4691
225	TRỊNH XUÂN LUÂN	10/09/1967	*****78	Xã Quỳnh Lưu, Tỉnh Nghệ An	X		4278
226	LÊ THỊ LƯƠNG	17/12/1990	*****89	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	X		4968
227	NGUYỄN THỊ LƯƠNG	26/10/1991	*****38	Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An	X		4781
228	HÀ ĐĂNG LƯỢNG	24/04/1995	*****13	Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4876
229	NGUYỄN VĂN LƯỢNG	16/06/1974	*****86	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4093
230	CAO THỊ LƯU	10/05/1986	*****91	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	X		4956
231	ĐẶNG THỊ LINH LY	29/08/1999	*****28	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4957
232	LƯƠNG THỊ LÝ	06/03/2002	*****65	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4692
233	VÕ VĂN LÝ	04/01/1983	*****25	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	21810
234	NGUYỄN THỊ MAI	03/02/1981	*****48	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	X		4391
235	NGUYỄN THỊ MAI	08/02/1989	*****11	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4821
236	NGUYỄN THỊ MAI	21/10/1990	*****74	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4666

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
237	NGUYỄN THỊ MAI	03/02/1990	*****05	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X		4877
238	NGUYỄN THỊ SƯƠNG MAI	17/03/2002	*****50	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4822
239	PHẠM PHƯƠNG MAI	22/04/2006	*****03	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		3238
240	PHẠM THỊ MAI	12/10/1990	*****10	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	X		4494
241	LÊ VĂN MẠNH	02/03/2007	*****40	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	X	A1m	4878
242	NGUYỄN ĐÌNH MẠNH	17/02/2002	*****83	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X		4204
243	HOÀNG CHÍNH MINH	15/08/1982	*****94	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4431
244	LÊ ĐĂNG MINH	07/06/1991	*****59	Xã Thạch Hà, Tỉnh Hà Tĩnh	X		3263
245	NGUYỄN NHẬT MINH	18/07/1987	*****54	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4470
246	NGUYỄN THỊ HỒNG MINH	22/01/2003	*****86	Xã Diễn Châu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4693
247	NGUYỄN THỊ MINH	10/09/1999	*****17	Xã Đại Huệ, Tỉnh Nghệ An	X	A1	3574
248	ĐẶNG SỸ MÙI	03/03/1967	*****90	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X		4392
249	NGUYỄN THỊ MƯỜI	02/10/1981	*****02	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X		4782
250	TRỊNH GIA MỸ	03/04/2005	*****40	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4958
251	MAI THẾ NAM	21/04/2007	*****03	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	X	A01	4539
252	NGUYỄN VĂN NAM	01/10/1990	*****76	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4694
253	PHẠM VĂN NAM	12/09/2007	*****30	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		4205

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
254	ĐINH VĂN NẮNG	12/01/1980	*****08	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X		4783
255	CAO THỊ THANH NGA	27/11/2007	*****30	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4949
256	ĐƯƠNG QUỲNH NGA	16/08/2005	*****88	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	2367
257	NGUYỄN THỊ NGA	04/06/1988	*****43	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4695
258	NGUYỄN THỊ QUỲNH NGA	13/06/1984	*****90	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4823
259	TRẦN HỒNG NGA	05/02/2004	*****63	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	X		3982
260	TRẦN THỊ NGA	11/03/1990	*****23	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4739
261	TRẦN THỊ NGA	26/07/1998	*****61	Xã Bích Hào, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4740
262	NGUYỄN THỊ KIM NGÂN	09/11/2007	*****10	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4206
263	TRẦN THỊ NGÂN	28/08/1988	*****76	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4784
264	NGUYỄN QUỐC NGHĨA	05/10/1994	*****33	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4944
265	BÙI THỊ HỒNG NGỌC	04/10/1997	*****06	Xã Tân Phú, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4471
266	NGUYỄN THỊ MINH NGỌC	10/05/1997	*****19	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4696
267	TÔN THẮT NGỌC	18/05/1969	*****96	Xã Hải Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4843
268	TRẦN VĂN NGỌC	16/04/1996	*****54	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4879
269	NGUYỄN ĐÌNH NGỰ	02/10/1972	*****11	Xã Vân Tụ, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4565
270	ĐẬU ĐỨC NGUYỄN	24/08/1984	*****11	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	X		4256

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
271	NGUYỄN CHUÔNG NGUYỄN	07/12/1994	*****56	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4007
272	TRẦN HỮU NGUYỄN	04/04/1972	*****10	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4785
273	PHẠM THỊ MINH NGUYỆT	06/01/1980	*****33	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4697
274	TRẦN THỊ NGUYỆT	02/12/1992	*****21	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	X		4824
275	VI VĂN NGUYỆT	26/10/1993	*****84	Xã Sơn Lâm, Tỉnh Nghệ An	X		4323
276	BÙI THỊ NHÂM	29/05/1991	*****94	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4741
277	TRẦN ĐĂNG NHÂM	30/06/1996	*****89	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4519
278	NGUYỄN VĂN NHÀN	07/04/2002	*****71	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	X		4646
279	TRẦN THỊ NHÀN	18/05/1991	*****80	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X		4786
280	NGUYỄN VŨ TIẾN NHẬT	09/01/2004	*****16	Xã Hưng Nguyên Nam, Tỉnh Nghệ An	X		4979
281	ĐẶNG PHƯƠNG NHI	14/09/2006	*****53	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X	A1m	4435
282	MẠC THỊ NHI	16/07/1994	*****50	Xã Mường Chọng, Tỉnh Nghệ An	X		3909
283	NGUYỄN THỊ THẢO NHI	13/12/2004	*****66	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4495
284	TRẦN THỊ YẾN NHI	24/02/2004	*****64	Xã Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4698
285	HỒ THỊ NHIÊN	08/08/1991	*****13	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4942
286	NGUYỄN THỊ QUỲNH NHƯ	01/04/1997	*****95	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4699
287	NGUYỄN THỊ THANH NHƯ	06/05/1991	*****39	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4700

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
288	NGUYỄN THỊ CẨM NHUNG	17/12/2000	*****49	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	X		4825
289	NGUYỄN THỊ NHUNG	20/09/1997	*****51	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4787
290	THÁI THỊ NHUNG	23/08/1992	*****86	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4742
291	TRƯƠNG THỊ NHUNG	15/10/1990	*****45	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	X		4788
292	VĂN THỊ NHUNG	17/06/1985	*****52	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		4789
293	NGUYỄN THỊ NHƯỜNG	04/06/1997	*****89	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4395
294	TRỊNH THỊ NIỀM	30/10/1996	*****75	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4962
295	VƯƠNG THỊ NIỆM	02/12/1988	*****63	Xã Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình	X	A1	4826
296	ĐINH THẾ OAI	30/04/1999	*****29	Xã Gia Hanh, Tỉnh Hà Tĩnh	X		1914
297	TRẦN THỊ KIM OANH	15/06/2001	*****03	Xã Thượng Đức, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	1277
298	PHAN TUẤN PHÁT	01/08/2003	*****97	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4880
299	NGUYỄN TRƯỜNG PHONG	13/10/1993	*****22	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4702
300	MAI THẾ PHÚC	30/10/2003	*****98	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4743
301	NGUYỄN VĂN PHÚC	03/02/1987	*****94	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		3910
302	VÕ THỊ HỒNG PHÚC	01/06/2006	*****06	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4744
303	HÀ HUYỀN PHƯƠNG	06/10/1994	*****40	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4103
304	HỒ THỊ PHƯƠNG	20/06/1985	*****60	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		11711

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
305	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	12/04/2003	*****13	Xã Tân An, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4104
306	NGUYỄN THỊ MAI PHƯƠNG	30/05/1988	*****36	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4790
307	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	07/12/1995	*****55	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4439
308	NHỮ THỊ PHƯƠNG	09/01/1997	*****39	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4368
309	PHẠM THỊ PHƯƠNG	10/10/1995	*****39	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4791
310	TRẦN VĂN PHƯƠNG	22/07/1977	*****46	Xã Phúc Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4061
311	VÕ THỊ PHƯƠNG	02/07/1990	*****86	Xã Đông Thành, Tỉnh Nghệ An	X		4703
312	TRẦN XUÂN QUÂN	20/06/2005	*****35	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4881
313	CAO HUY QUẬN	10/08/1990	*****22	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		4882
314	HỒ HOÀNG QUANG	02/06/1982	*****96	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4883
315	TRẦN VINH QUANG	28/05/1998	*****51	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4520
316	NGUYỄN ANH QUỐC	26/09/2007	*****04	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	X		4884
317	PHẠM THỊ QUÝ	18/08/1989	*****72	Xã Nam Đàn, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4827
318	NGUYỄN LÊ THỰC QUYÊN	27/06/2007	*****38	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4644
319	NGUYỄN THỊ HÀ QUYÊN	06/02/2006	*****64	Xã Nhân Hòa, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4828
320	NGUYỄN THỊ LỆ QUYÊN	24/10/1988	*****39	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4829
321	ĐẶNG THỊ HƯƠNG QUỲNH	15/03/2003	*****59	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4369

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
322	ĐẬU NHƯ QUỲNH	05/05/1994	*****49	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4885
323	HỒ VŨ Y SA	28/09/2005	*****60	Xã Trung Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4745
324	LÊ THỊ SÂM	12/10/1986	*****95	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	X		4886
325	NGUYỄN THỊ SÂM	08/06/1998	*****26	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4830
326	TRƯƠNG VĂN SÂM	05/09/2000	*****22	Xã Nghĩa Lâm, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4887
327	NGUYỄN KIM TẤN SANG	26/02/2007	*****48	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	X		4542
328	LÊ QUANG SÁNG	01/04/2007	*****68	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4302
329	PHAN THỊ SÁU	21/08/1981	*****51	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4888
330	THÁI THỊ MINH SOA	12/07/1998	*****87	Xã Sơn Hồng, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4704
331	LÊ HOÀNG SƠN	23/03/1997	*****53	Xã Hải Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4969
332	NGUYỄN ANH SƠN	20/12/1978	*****20	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4567
333	NGUYỄN CHÍ SƠN	18/06/1986	*****12	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	X		4657
334	NGUYỄN ĐÌNH SƠN	06/06/1976	*****74	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4946
335	PHAN THẾ LÊ SƠN	12/03/1996	*****58	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	X		24373
336	TRẦN ĐĂNG SƠN	10/09/1987	*****13	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X		4442
337	TRẦN ĐỨC SƠN	29/08/1998	*****38	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4568
338	TRẦN NGỌC SƠN	24/09/1985	*****67	Xã Quỳnh Tam, Tỉnh Nghệ An	X		4746

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
339	VÕ MINH TÀI	26/02/1986	*****02	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4844
340	NGUYỄN THANH TÂM	04/03/1985	*****60	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		4705
341	NGUYỄN MẠNH TÂN	08/06/2001	*****58	Phường Hà Linh, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4989
342	TRẦN ĐÌNH TÂN	30/12/2004	*****88	Xã Nghĩa Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4889
343	TRỊNH CÔNG TÂN	20/04/2005	*****86	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4706
344	TRẦN VĂN THẠCH	17/07/1992	*****84	Xã Nghĩa Khánh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4707
345	LÔ THỊ THÁI	10/03/1996	*****40	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4748
346	NGUYỄN VĂN THÁI	20/07/1982	*****07	Xã Văn Kiều, Tỉnh Nghệ An	X		4571
347	NGUYỄN VĂN THẮNG	17/01/1992	*****44	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4749
348	PHẠM VĂN THẮNG	04/02/1996	*****83	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4845
349	TRẦN ĐỨC THẮNG	17/11/1985	*****71	Phường Bắc Hồng Lĩnh, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4212
350	TRẦN THỊ THẮNG	04/02/1989	*****06	Xã Văn Hiến, Tỉnh Nghệ An	X		4950
351	NGUYỄN THỊ THANH	02/01/1991	*****87	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		4708
352	NGUYỄN TRẦN AN THANH	24/10/2003	*****27	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4938
353	PHÙNG THỊ THANH	02/05/1991	*****61	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4372
354	NGUYỄN VĂN THÀNH	17/02/2000	*****53	Xã Thành Bình Thọ, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4332
355	NGUYỄN VĂN THÀNH	29/09/1994	*****88	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4846

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
356	PHẠM VĂN THÀNH	27/03/2005	*****84	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X	A1	1161
357	HOÀNG THỊ SONG THAO	10/08/1992	*****34	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	X		3115
358	THÁI THỊ THAO	02/02/1975	*****00	Xã Quỳnh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		1301
359	HỒ THỊ THẢO	27/10/1992	*****91	Xã Thiên Nhân, Tỉnh Nghệ An	X		4792
360	NGUYỄN NGỌC TÂM THẢO	09/04/2007	*****70	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4934
361	NGUYỄN THỊ DƯỢC THẢO	25/08/2003	*****68	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4750
362	TRẦN THỊ THẢO	28/02/1997	*****01	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4523
363	CAO NGUYỄN QUANG THIÊN	12/05/2006	*****86	Xã Tân Châu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4524
364	HOÀNG THỊ THỊNH	28/05/1993	*****14	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4890
365	NGUYỄN VĂN ANH THỊNH	30/06/2007	*****02	Xã Liên Sơn Lắc, Tỉnh Đắk Lắk	X	A1m	4847
366	PHAN VĂN THỊNH	10/05/1981	*****76	Xã Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4751
367	TRẦN ĐÌNH THỊNH	04/05/1984	*****21	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	X		4891
368	VŨ QUANG THỊNH	04/11/1988	*****91	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4982
369	HOÀNG THỊ THƠ	12/06/1992	*****50	Xã Hương Khê, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4752
370	TRẦN THỊ THOẢ	18/09/1998	*****05	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	X		4709
371	TRẦN THỊ THOẢ	16/02/1990	*****87	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4793
372	NGÔ THỊ THU	20/02/1989	*****61	Xã Vĩnh Tường, Tỉnh Nghệ An	X		4976

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
373	NGUYỄN THỊ THU	02/05/1990	*****97	Xã Xuân Lâm, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4831
374	HỒ THỊ THUẬN	15/03/1999	*****35	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4374
375	TỬ ĐỨC THUẬN	29/04/2001	*****41	Xã Quế Phong, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4848
376	NGUYỄN THỊ THỨC	12/06/1977	*****50	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4401
377	CAO THỊ MINH THƯƠNG	06/11/2003	*****77	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4710
378	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	15/12/1994	*****59	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X		4525
379	PHAN THỊ THƯƠNG	10/11/1998	*****77	Xã Hương Xuân, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A01	4182
380	DƯƠNG THỊ THÙY	02/10/2000	*****83	Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4711
381	NGUYỄN THỊ GÁI THÙY	18/03/1988	*****88	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	X		3671
382	TRẦN THỊ HƯƠNG THÙY	02/12/1983	*****39	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	X		4526
383	NGUYỄN THỊ THỦY	12/04/2002	*****48	Xã Hương Sơn, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4753
384	PHAN THỊ THỦY	19/04/1994	*****62	Xã Quang Đông, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4794
385	TRẦN THỊ THU THỦY	12/05/1987	*****55	Xã Tuyên Bình, Tỉnh Quảng Trị	X	A1	4832
386	NGUYỄN ĐÌNH THUYỀN	21/06/1977	*****30	Xã Kỳ Khang, Tỉnh Hà Tĩnh	X		4527
387	NGUYỄN VIỆT TIẾN	16/04/1990	*****18	Xã Giai Lạc, Tỉnh Nghệ An	X		3771
388	NGUYỄN THỊ TÌNH	10/02/1985	*****46	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		4754
389	LÊ VĂN TOÀN	12/08/1977	*****17	Xã Kim Liên, Tỉnh Nghệ An	X		4528

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
390	PHAN THỊ TRÀ	09/01/1989	*****39	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4795
391	HOÀNG THỊ QUỲNH TRANG	21/06/1997	*****16	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4502
392	LÊ THỊ QUỲNH TRANG	11/11/1997	*****35	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4545
393	LỘC THỊ TRANG	11/11/2004	*****33	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4892
394	NGUYỄN NHA TRANG	02/09/1980	*****42	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4893
395	NGUYỄN THỊ QUỲNH TRANG	14/08/1995	*****90	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	X	A1m	4833
396	TRẦN THU TRANG	15/12/1997	*****81	Xã Mai Phụ, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4951
397	BÙI THỊ TÚ TRINH	24/08/1994	*****54	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4834
398	CHU NGỌC TRUNG	26/11/1996	*****09	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4929
399	LÊ ANH TRUNG	05/11/2001	*****78	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4649
400	LÊ VĂN TRUNG	16/11/1992	*****38	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		4961
401	TRẦN ĐÌNH MINH TRUNG	02/05/1999	*****79	Xã Phú Vang, Thành phố Huế	X	A1	4529
402	TRẦN ĐÌNH TRUNG	12/08/1987	*****38	Xã Minh Châu, Tỉnh Nghệ An	X		985
403	TRẦN VĂN TRUNG	14/11/1983	*****71	Xã Bạch Hà, Tỉnh Nghệ An	X		4796
404	UÔNG NGỌC TRUNG	02/07/1963	*****41	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4407
405	BÙI BÁ TRƯỜNG	12/12/1985	*****13	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	X		4546
406	DƯƠNG VĂN TRƯỜNG	21/07/1987	*****41	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4755

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
407	HOÀNG SỸ TRƯỜNG	13/11/1979	*****87	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4797
408	LÊ PHI TRƯỜNG	12/02/2000	*****98	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4115
409	LÔ ĐỨC TRƯỜNG	26/05/2002	*****93	Xã Quỳ Hợp, Tỉnh Nghệ An	X		4959
410	PHẠM THỊ CẨM TÚ	16/01/2004	*****77	Xã Đức Thịnh, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4712
411	ĐẶNG THỊ TƯ	02/09/1996	*****20	Phường Trường Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4940
412	NGUYỄN THỊ TÚ	07/08/1990	*****53	Xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	X		3553
413	BÙI ĐỨC TUẤN	25/06/1997	*****16	Xã Hợp Minh, Tỉnh Nghệ An	X		4290
414	CAO VĂN TUẤN	01/07/1981	*****27	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4291
415	HÀ ANH TUẤN	04/05/1995	*****68	Xã Tiên Phong, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4849
416	LÊ ANH TUẤN	23/11/1997	*****38	Xã Thượng Đức, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4850
417	NGUYỄN VĂN TUẤN	20/10/1994	*****88	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4713
418	TRẦN QUỐC TUẤN	10/06/1982	*****17	Xã An Châu, Tỉnh Nghệ An	X		4480
419	NGUYỄN ĐĂNG TÙNG	28/03/1984	*****18	Xã Bình Minh, Tỉnh Nghệ An	X		4980
420	NGUYỄN THỊ TÙNG	12/05/1987	*****59	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4624
421	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	15/06/1996	*****19	Xã Đức Thọ, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	4939
422	NGUYỄN NGỌC TUYỀN	19/07/1980	*****47	Xã Vạn An, Tỉnh Nghệ An	X		2192
423	LÊ THỊ TUYẾT	16/07/1987	*****22	Xã Đại Đồng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4894

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
424	VÕ THỊ TUYẾT	20/05/1992	*****92	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4756
425	HỒ THỊ THANH VÂN	10/04/1972	*****40	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4072
426	HOÀNG CẨM VÂN	08/03/1995	*****07	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4714
427	NGUYỄN THỊ VÂN	10/06/1990	*****75	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X		4798
428	NGUYỄN THỊ VÂN	10/05/1989	*****20	Phường Vinh Hưng, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4895
429	TRẦN THỊ VÂN	06/07/1989	*****10	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4715
430	TRẦN THỊ VÂN	06/09/1982	*****62	Xã Quỳnh Hợp, Tỉnh Nghệ An	X		4531
431	NGUYỄN QUỐC VIỆT	01/03/1998	*****16	Xã Đức Quang, Tỉnh Hà Tĩnh	X	A1	1359
432	HOÀNG QUANG VINH	26/06/1995	*****10	Xã Nghi Lộc, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4972
433	TRẦN THỊ VINH	27/04/1985	*****88	Xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	X		3554
434	NGUYỄN VĂN VĨNH	01/05/1981	*****02	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4896
435	NGUYỄN VĂN VƯƠNG	10/04/1989	*****17	Xã Đông Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4216
436	MAI THỊ VY	29/10/1981	*****18	Phường Thành Vinh, Tỉnh Nghệ An	X		4937
437	NGUYỄN NHƯ VỸ	12/04/1988	*****27	Xã Yên Trung, Tỉnh Nghệ An	X		4716
438	MAI THỊ XOAN	11/11/1996	*****29	Phường Cửa Lò, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4757
439	TRẦN THỊ XOAN	02/04/1987	*****21	Xã Kỳ Anh, Tỉnh Hà Tĩnh	X		3555
440	NGUYỄN THỊ HOA XUÂN	27/03/1990	*****11	Phường Vinh Lộc, Tỉnh Nghệ An	X		4117

TT	Họ và tên	Ngày sinh	Số định danh	Nơi cư trú	Giấy chứng nhận sức khỏe hợp lệ	Đã có GPLX hạng	Số chứng chỉ sơ cấp, chứng chỉ đào tạo, xác nhận hoàn thành khóa đào tạo
441	ĐẶNG THỊ YÊN	17/04/1987	*****73	Xã Quan Thành, Tỉnh Nghệ An	X		4574
442	HỖ NGỌC BẢO YẾN	26/02/2006	*****47	Xã Yên Thành, Tỉnh Nghệ An	X	A1	4758
443	LÊ THỊ YẾN	24/01/1990	*****45	Phường Vinh Phú, Tỉnh Nghệ An	X		4575